

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 657/2023/HC-PT
Ngày: 08 - 8 - 2023
V/v Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 317/2023/TLPT-HC ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2023/HC-ST ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1610/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn D - sinh năm 1955 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ I, khu phố A, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D và bà L: Bà Nguyễn Thị Thúy H - sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: số C Đ, B, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Địa chỉ: số D T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Nguyễn Hoàng T - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C - Phó Chủ tịch; Văn bản ủy quyền số: 132/UBND-NC ngày 11/01/2023 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Võ Văn P – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Địa chỉ: số D H, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Đoàn Anh D1 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh B: Ông Nguyễn Thiện L1 - Chi cục trưởng C1 thuộc Sở T4; Văn bản số: 154/UBND-NCKSTTHC ngày 16/01/2023 (có mặt).

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T4;

Địa chỉ: số A đường N, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T4: Ông Nguyễn Đức T1 - Phó trưởng phòng phụ trách Phòng quản lý quỹ đất thuộc Trung tâm quỹ đất tỉnh. Văn bản số 199/STNMT-TTr ngày 17/01/2023 (có mặt).

3. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận;

Địa chỉ: Số A đường P, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T1 - Phó trưởng phòng phụ trách Phòng quản lý quỹ đất thuộc Trung tâm quỹ đất tỉnh. Văn bản số: 22/UQ-PTQĐ ngày 17/01/2023 (có mặt).

4. Phòng T;

Địa chỉ: số C T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn P - Phó phòng Tài nguyên môi trường thành phố P (có mặt).

5. Bà Lê Nguyễn Xuân L2 – sinh năm 1983 (vắng mặt);

6. Ông Nguyễn Văn T2 – sinh năm 1970 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (địa chỉ liên lạc: số A T, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T2, bà Lê Nguyễn Xuân L2: Bà Lê Nguyễn Vi V, hợp đồng ủy quyền ngày 16/01/2023 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Vợ chồng ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L có 03 căn nhà (tổng diện tích 303,6m² tại nhà số H (diện tích 132m²), nhà số A (diện tích 114,70m²), nhà số A (diện tích 52,17m²) Thủ Khoa H1.

Ngày 16/11/2005, tại Phòng C2 tỉnh Bình Thuận, ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L đã lập hợp đồng “cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở”

+ Căn nhà số A cho con gái là Lê Nguyễn Xuân L2 – sinh năm 1983; hợp đồng có chứng nhận số 66, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/11/2005 của Phòng C2 tỉnh Bình Thuận. Đến ngày 24/02/2006, Công an thành phố P cấp sổ hộ khẩu gia đình số 3770 cho bà L2 tại địa chỉ khu phố A, phường B, thành phố P.

+ Căn nhà số A cho em trai là Nguyễn Văn T2 – sinh năm 1970; hợp đồng có chứng thực số 66, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/11/2005 của Phòng C2 tỉnh Bình Thuận. Đến ngày 16/3/2006, Công an thành phố P cấp sổ hộ khẩu gia đình số 3776 cho ông T2 tại địa chỉ số A đường T, khu phố A, phường B, thành phố P.

Thực tế diện tích đất của 03 căn nhà nêu trên có tổng diện tích là 303,6m², vị trí 2 mặt tiền đường (T - C), chiều ngang của 03 căn nhà trên là 25m, nhà cấp 2, cấp 3. Tại tầng trệt ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L trưng bày và kinh doanh xe máy của Doanh nghiệp tư nhân T5 (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp T5) do vợ chồng ông D, bà L làm chủ doanh nghiệp, đã kinh doanh tại đây trên 20 năm. Tầng trên của 03 căn nhà là nơi sinh sống của đại gia đình 03 thế hệ (gồm mẹ bà L, con và gia đình ông T2).

- Ngày 15/6/2018, bà Lê Nguyễn Xuân L2 và ông Nguyễn Văn T2, lập văn bản thỏa thuận để cho ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị L đại diện liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân tỉnh B, Ủy ban nhân dân thành phố P, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Sở T4, Ủy ban nhân dân phường B)

kiến nghị, khiếu nại, nhận tiền bồi thường, nhận đất tái định cư và các quyền lợi liên quan khác đến việc giải tỏa căn nhà số A và căn nhà số A T, phường B, thành phố P. Mọi quyền lợi được cơ quan có thẩm quyền giải quyết xong cho ông D và bà L, thì ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị L cùng bà Lê Nguyễn Xuân L2, ông Nguyễn Văn T2 sẽ tự giải quyết với nhau.

Tháng 11/2017, ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L nhận thông báo thu hồi 03 lô đất trên để làm đường nhưng Thông báo số 8284/TB-UBND ngày 01/11/2017 và Quyết định 4235/QĐ-UBND ngày 08/6/2018, của Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố P ghi diện tích bị thu hồi 293,4m², thấp hơn diện tích thực tế, ông D và bà L không đồng ý nên UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4829/QĐ-UBND ngày 29/6/2018, về thu hồi đất đúng thực tế là 303,6m². Ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L nhận hai Quyết định là bản photo chứ chưa nhận bản chính.

Ngày 14/01/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh ban hành Văn bản số 124/PTQĐ-QLQĐ, thông báo giao 03 lô đất trên đường L cho ông D và bà L, gồm lô số 01, 02, 03 nhưng đến nay ông và bà chưa nhận đủ diện tích đất 03 lô đất. Nay ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

1) Buộc UBND thành phố P thực hiện hành vi hành chính giao bản chính của Quyết định thu hồi đất số 4235/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 về việc thu hồi 293,4m² đất và Quyết định số 4829/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 về việc điều chỉnh tăng diện tích thu hồi đất của hộ ông Lê Văn D từ 293,4m² thành 303,6m² để xây dựng dự án đường L, thành phố P.

2) Buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định giao đất tái định cư đối với 03 lô đất (lô đất số 01, lô số 2, lô S) mặt tiền đường L và giao đủ diện tích 03 lô đất này cho hộ ông Lê Văn D là chủ Doanh nghiệp Tư nhân T5 (theo Văn bản số 124/PTQĐ-QLQĐ ngày 14/01/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh).

3) Buộc UBND thành phố P trả cho hộ ông Lê Văn D tiền tạm cư tạm tính từ ngày 09/11/2018 (ngày bàn giao mặt bằng và giấy chứng nhận) đến tháng 11/2022 bằng 48 tháng là 674.000.000 đồng. Lý do hộ gia đình ông Lê Văn D gồm 03 hộ có 10 nhân khẩu, được bố trí 03 lô đất tái định cư, nên tiền hỗ trợ là 5.000.000/tháng/hộ x 3 = 15.000.000 đồng x 48 tháng = 720.000.000 đồng - 46.000.000 đồng đã nhận = 674.000.000 đồng (tính theo mức hỗ trợ được Chủ tịch UBND tỉnh B chỉ đạo tại Văn bản số 5253 ngày 10/12/2018).

4) Buộc UBND thành phố P bồi thường thiệt hại cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L số tiền bị giảm doanh thu do không có mặt bằng, nhà kho để xe và kinh doanh mỗi tháng là 35.000.000 đồng/tháng x 48 tháng = 1.680.000.000

đồng. Nếu UBND thành phố P chậm giao mặt bằng thì yêu cầu tính theo thời gian chậm giao.

Ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P:

Ngày 01/11/2017, UBND thành phố P ban hành Thông báo số 8284, về việc thu hồi diện tích 293,4m² đất ở đô thị (sau đó điều chỉnh lại thành 303,6m²) thuộc thửa đất số 41, 49, 51 của hộ ông Lê Văn D (tức đất ở đô thị đã xây căn nhà số H, nhà số A và nhà số A đường T, khu phố A, phường B, thành phố P), để xây dựng công trình đường L (đoạn từ đường L đến đường T, phường B, thành phố P). Hộ ông Lê Văn D nhận được thông báo thu hồi đất trong tháng 11/2017.

Ngày 18/01/2018, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 272/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc công trình đường L, thành phố P (đoạn từ đường L đến đường T). Theo đó:

+ Về quỹ đất tái định cư: Có 05 địa điểm khác nhau, trong đó có tái định cư tại chỗ mặt tiền đường L và đường C.

+ Về nguyên tắc bố trí tái định cư: ... *Ưu tiên ở những vị trí thuận lợi các trường hợp có đất bị thu hồi là những hộ gia đình, cá nhân sớm bàn giao mặt bằng, người có công với cách mạng hoặc người có đất bị thu hồi thuộc vị trí mặt tiền đường T và mặt tiền đường C như sau:*

Tái định cư tại chỗ mặt tiền đường L (25 lô), trong đó bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân có đất ở và nhà ở bị thu hồi nằm mặt tiền đường T (07 hộ) và đường L (06 hộ) hoặc 11 hộ mặt tiền đường T (nếu có nhu cầu bố trí tái định cư tại mặt tiền đường L thay cho mặt tiền đường H)...; tại Điều 2 của Quyết định số 272/QĐ-UBND của UBND thành phố P giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh thông báo cho người có đất bị thu hồi thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở về phương án bố trí tái định cư; căn cứ kết luận của HDBTHT&TĐC Phan Thiết tham mưu đề xuất giao đất đúng đối tượng tại vị trí phù hợp; tổ chức bốc thăm, xác định vị trí, diện tích, kích thước lô đất và thông báo kết quả bốc thăm và giá đất cụ thể cho từng đối tượng.

- Ngày 08/6/2018, UBND thành phố P ban hành quyết định số 4235/QĐ-UBND thu hồi 03 thửa đất số 41, 49, 51 của hộ ông Lê Văn D và quyết định số 4829/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 điều chỉnh quyết định số 4235/QĐ-UBND. Theo đó, điều chỉnh diện tích đất thu hồi của hộ ông Lê Văn D từ 293,4m² thành 303,6m² đất ở đô thị. Vợ chồng ông D thống nhất với mục đích thu hồi đất và diện tích đất thực tế bị UBND thành phố P thu hồi.

- Ngày 13/6/2018, UBND phường B lập biên bản giao Quyết định thu hồi đất số 4235/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 cho ông hộ Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L. Nhưng bà L có ý kiến “*nhà đất doanh nghiệp K lô vị trí 02 mặt tiền gồm 03 hộ chính, diện tích 03 nhà là trên 300m². Đề nghị bố trí 03 lô đất liền kề trên đường L. Khi nào các cơ quan điều chỉnh diện tích bị thu hồi theo hiện trạng và bố trí 03 lô liền kề 1, 2, 3 trên đường L thì gia đình sẽ nhận quyết định thu hồi đất*”.

- Ngày 04/7/2018, UBND phường B đã mời hộ ông Lê Văn D đến để giao Quyết định số 4829/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND thành phố P điều chỉnh diện tích đất thu hồi của hộ ông Lê Văn D từ 293,4m² thành 303,6m², nhưng hộ ông Lê Văn D không đến nhận Quyết định.

- Ngày 17/9/2018, UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 3933/UBND-ĐTQH, có nội dung: UBND tỉnh thống nhất bổ sung phương án tái định cư của dự án đường L (đoạn từ đường L đến đường T), theo đề nghị của Sở T4 tại Công văn số 4037/TNMT-TT.PTQĐ ngày 29/8/2018.

Trong đó:

+ UBND tỉnh thống nhất bổ sung phương án tái định cư của dự án đường L (đoạn từ đường L đến đường T), thành phố P, cụ thể như sau:

a) Giữ nguyên phương án 3 đã được Ban thường vụ tỉnh ủy thống nhất tại Công văn số 373-KL/TU ngày 11/8/2017 và UBND thành phố P phê duyệt tại Quyết định số 272 ngày 18/01/2018.

b) Bổ sung phương án bố trí đất ở: ...

Đối với các hộ (18 hộ) có đất thu hồi nằm trong quỹ đất phân lô tái định cư đường L:

Nếu có nhu cầu giải quyết đất tái định cư, đất ở tại đường L thì giải quyết theo phương án bồi thường lại bằng đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi...”.

Hộ được bồi thường bằng đất ở phải nộp tiền chênh lệch giữa giá đất tại vị trí được bố trí (có nhân hệ số K) và giá đất cụ thể tại vị trí thu hồi.

c) Đối với các hộ có diện tích đất thu hồi lớn trên 300m²:... hộ ông Lê Văn D tại vị trí hai mặt tiền, kiến nghị giải quyết lại 03 lô đất ở...nên giao cho UBND thành phố P chỉ đạo Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố căn cứ phương án đã được UBND tỉnh thống nhất nêu trên, tình hình hồ sơ của từng hộ và quỹ đất để xem xét giải quyết.

Thực hiện phương án này, nếu quỹ đất tại chỗ đường L không đủ để bố trí và bồi thường thì sử dụng quỹ đất dự kiến 11 lô tại đường H để bổ sung giải quyết.

- Căn cứ Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND thành phố P và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh B tại Văn bản số 3933/UBND-ĐTQH ngày 17/9/2018, về phương án tái định cư của dự án đường L (đoạn từ đường L đến đường T). Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành vận động, hiệp thương, giải thích cho hộ ông Lê Văn D, với nội dung: *Tổng diện tích đất 03 căn nhà của hộ ông Lê Văn D bị thu hồi là 303,6m², tọa lạc tại vị trí có 02 mặt tiền, đã và đang kinh doanh trong nhiều năm nên sẽ được bồi thường bằng 02 chính sách bồi thường (bồi thường bằng tiền và bố trí 03 lô đất tái định cư tại đường L). Nên hộ ông D đồng ý bàn giao 303,6m² đất bị thu hồi cùng 03 bản chính giấy chứng nhận cho cơ quan có thẩm quyền vào ngày 09/11/2018 và ngày 28/11/2018, mặc dù hộ ông Lê Văn D chưa được nhận bản chính của quyết định thu hồi đất.*

Sau đó UBND thành phố P đã ban hành các quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Lê Văn D do bị thu hồi nhà ở, đất ở cho hộ ông Lê Văn D tổng cộng 10.424.846.454 đồng, trong đó tiền bồi thường đối với 303,6m² đất ở đô thị là 7.359.000.000 đồng. Cụ thể:

+ Quyết định số 4240/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 bồi thường, hỗ trợ,... 10.034.794.900 đồng, gồm:

* *Bồi thường về đất: 7.086.048.000 đồng.*

* *Bồi thường tài sản gắn liền với đất: 2.905.746.900 đồng.*

* *Bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển tài sản (theo điểm a khoản 2 Điều 38 QĐ số 08 ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh): 10.000.000 đồng.*

* *Hỗ trợ tiền thuê nhà (theo điểm a khoản 2 Điều 38 QĐ số 08/2015), là: 12.000.000 đồng.*

* *Hỗ trợ đảm bảo ổn định đời sống sản xuất cho 04 nhân khẩu (theo điểm b khoản 3 Điều 29 QĐ số 08 ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh): 6.000.000 đồng.*

* *Hỗ trợ khen thưởng: 15.000.000 đồng.*

* *Về chính sách tái định cư đủ điều kiện giải quyết 01 lô đất tái định cư.*

+ Quyết định phê duyệt bổ sung số 4848/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 số tiền: 338.712.000 đồng, gồm:

* *Bồi thường về đất: 272.952.000 đồng.*

* *Bồi thường tài sản gắn liền với đất: 65.760.000 đồng.*

+ Quyết định phê duyệt bổ sung số 7384/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 số tiền: 33.339.554 đồng, gồm:

** Hỗ trợ thiệt hại do ảnh hưởng việc kinh doanh (theo điểm a khoản 4 Điều 23 QĐ số 08 ngày 02/3/2015 và khoản 6 Điều 1 QĐ số 05 ngày 25/01/2018 của UBND tỉnh): 26.339.554 đồng.*

** Hỗ trợ chính sách như thương binh (theo điểm e khoản 3 Điều 29 QĐ số 08 ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh): 7.000.000 đồng.*

+ Quyết định phê duyệt hỗ trợ khác số 3125/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 (theo VB số 5253 ngày 10/12/2018 và số 5570 ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh) bổ sung tiền thuê nhà: 18.000.000 đồng (3.000.000 đồng/tháng x 6 tháng = 18.000.000 đồng).

- Ngày 04/01/2019, Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P tổ chức họp (biên bản số 01) thẩm định xét tính pháp lý nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất, tái định cư và nhu cầu cần đất ở của các hộ dân thuộc dự án đường L (đoạn từ đường L đến đường T, phường B, thành phố P), xác định:

+ Ngoài 03 căn nhà ở, đất ở bị Nhà nước thu hồi của hộ ông Lê Văn D, để làm dự án đường L, thì hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L không còn nhà ở, đất ở nào khác (Biên bản làm việc ngày 03/6/2022 bổ sung: Ngoài nhà ở, đất ở tại số A và A T thì Lê Nguyễn Xuân L2 và Nguyễn Văn T2 không có nhà ở đất ở nào khác).

+ Hộ ông D thỏa mãn các điều kiện được bố trí đất tái định cư tại mặt tiền đường L theo QĐ số 272/QĐ-UBND ngày 18/01/2018, được UBND tỉnh chấp thuận (Cụ thể: hộ gia đình, cá nhân sớm bàn giao mặt bằng, người có công với cách mạng “ông D hưởng chính sách như thương binh”; 03 lô đất bị thu hồi đều giáp mặt tiền đường T, trong đó có 01 lô góc giáp hai mặt tiền đường T và đường C).

+ Thực hiện ý kiến của UBND tỉnh B tại Văn bản số 3933 ngày 17/9/2018, Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P thống nhất bồi thường bằng 03 lô đất ở mặt tiền đường L. Không chấp nhận việc kiến nghị giải quyết đất hộ ghép cho hộ bà Lê Nguyễn Xuân L2.

- Ngày 14/01/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh ban hành Văn bản số 124/PTQĐ-QLQĐ thông báo đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P, với nội dung:

+ Hộ ông Lê Văn D được bồi thường 03 lô đất ở và đã bốc thăm tại biên bản họp ngày 07/12/2018. Theo đó hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L bốc thăm lô đất số 01 diện tích 123,92m² (sau đó điều chỉnh giảm còn diện tích là 111,2m²

và hộ ông Lê Văn D cũng đồng ý nhận), lô đất số 02 và số 03 mỗi lô diện tích 100m², đều tại mặt tiền đường L.

+ Giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng 03 lô đất (số A, 02, 03) mà hộ ông Lê Văn D phải nộp theo giá đất tại Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh nhân với hệ số K.

+ Dự án công trình trọng điểm nên Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P sớm trình UBND thành phố P ban hành quyết định giao đất và giao đất tại thực địa cho hộ dân.

Tuy nhiên, UBND thành phố P chưa ban hành quyết định giao đất, chưa giao đất tại thực địa cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L. Lý do các lô đất số 01, 02, 03 bị một số hộ dân tái chiếm.

- Đến ngày 30/8/2022, Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P tổ chức họp có biên bản số 33 ngày 30/8/2022, thay đổi kết quả họp thẩm định xét tính pháp lý nguồn gốc đất, tài sản trên đất, tái định cư và nhu cầu cần đất ở của hộ ông Lê Văn D, tại các biên bản họp số 94 ngày 24/10/2018, số 01 ngày 04/01/2019. Nội dung thay đổi như sau:

+ Việc căn cứ Văn bản số 3933/UBND-ĐTQH ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh B để bố trí cho hộ ông Lê Văn D 03 lô đất tái định cư tại mặt tiền đường L là không đúng với phương án tái định cư tại quyết định phê duyệt phương án giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc công trình đường L, thành phố P và Quyết định số 7546/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố P về việc phê duyệt bổ sung Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 18/01/2018; Nội dung bổ sung:... Đối với các hộ dân có đất thu hồi nằm trong quỹ đất phân lô tái định cư đường L giải quyết như sau: Nếu hộ nào có nhu cầu giải quyết đất tái định cư, đất ở tại đường L thì giải quyết theo phương án bồi thường lại đất ở theo quy định tại điểm 2 Điều 74, Điều 79 Luật đất đai năm 2013, việc bồi thường bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi.

+ Việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn D vừa bồi thường bằng tiền và bồi thường bằng đất, là thực hiện 02 chính sách.

+ Chưa có quy định nào thu hồi đất trên 300m² đất ở được bố trí lại 03 lô đất tái định cư.

+ Riêng trường hợp xin hộ ghép, bức xúc của hộ ông Lê Văn D cho các con (nếu hộ có đơn), đề nghị UBND phường B xét điều kiện sinh sống và bổ sung ý kiến phản hồi để trình lại Hội đồng kết luận lần sau.

Vì các lý do nêu trên, Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P, kết luận:

Thống nhất giải quyết cho hộ ông Lê Văn D 01 lô đất tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 31 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh B. Lý do hộ ông Lê Văn D có nhà ở, đất ở hợp pháp và sinh sống tại căn nhà giải tỏa. Lô đất bố trí tái định cư tại mặt tiền đường L theo phương án tái định cư tại Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND thành phố P và Quyết định số 7546/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố P, do đất của hộ bị giải tỏa nằm trên đường C.

Thống nhất thu hồi lại kết luận bồi thường cho hộ ông Lê Văn D bằng 03 lô đất tái định cư tại mặt tiền đường L vì chưa đúng với phương án tái định cư tại Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 và Quyết định số 7546 /QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố P.

UBND thành phố P, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Lê Văn D theo kết quả xét tính pháp lý của Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P theo biên bản họp số 33 ngày 30/8/2022, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L vì không có căn cứ pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Nguyễn Xuân L2, ông Nguyễn Văn T2:

Vợ chồng ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L đã cho bà Lê Nguyễn Xuân L2 căn nhà số A; cho ông Nguyễn Văn T2 căn nhà số A nên ông T2 và bà L2 được hưởng chế độ bồi thường và tái định cư theo quy định của Nhà nước. Do đó bà L2 và ông T2 đã lập văn bản thỏa thuận để vợ chồng ông Lê Văn D đại diện liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết chế độ bồi thường, nhận đất tái định cư và các quyền lợi liên quan khác đến việc giải tỏa căn nhà số A và căn nhà số A T; quyền lợi được cơ quan có thẩm quyền giải quyết cho vợ chồng ông Lê Văn D bà Nguyễn Thị L, thì bà Lê Nguyễn Xuân L2 cùng ông Nguyễn Văn T2 sẽ tự giải quyết với nhau. Nay bà L2 và ông T2 đồng ý với nội dung khởi kiện của ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh:

Ngày 13/6/2018, UBND phường B lập biên bản giao Quyết định thu hồi đất số 4235/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 cho ông hộ Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L. Nhưng bà L có ý kiến “nhà đất doanh nghiệp K lô vị trí 02 mặt tiền gồm 03 hộ chính, diện tích 03 nhà là trên 300m². Đề nghị bố trí 03 lô đất liền kề trên đường L. Khi nào các cơ quan điều chỉnh diện tích bị thu hồi theo hiện trạng và bố trí 03 lô liền kề 1, 2, 3 trên đường L thì gia đình sẽ nhận ”.

Ngày 04/7/2018, UBND phường B đã mời hộ ông Lê Văn D đến để giao Quyết định số 4829/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND thành phố P điều chỉnh diện tích đất thu hồi của hộ ông Lê Văn D từ 293,4m² thành 303,6m², nhưng hộ ông Lê Văn D không đến nhận.

Theo biên bản họp hội đồng số 01/HĐBTHT&TD9C-ĐLD ngày 04/1/2019 ngày 04/01/2019 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P họp kết luận: “Thực hiện công văn số 3933/UBND-ĐTQH ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh, hội đồng bồi thường thống nhất: Bồi thường bằng 03 lô đất ở mặt tiền đường L”.

Ngày 14/01/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh ban hành Văn bản số 124/PTQĐ-QLQĐ thông báo đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P về việc thông báo giao lô đất số 01 diện tích 123,92m², lô đất số 02 và lô số 03 diện tích 100m² tại mặt tiền đường L cho hộ ông Lê Văn d- bà Nguyễn Thị L, cư ngụ khu phố A, B.

Sau đó theo biên bản cuộc họp Hội đồng bồi thường và tái định cư số 33/HĐBTHT& TCD-ĐLD ngày 30/8/2022 họp kết luận: Thống nhất giải quyết cho hộ ông Lê Văn D 01 lô đất tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 31 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh B. Lý do hộ ông Lê Văn D có nhà ở, đất ở hợp pháp và sinh sống tại căn nhà giải tỏa. Lô đất bố trí tái định cư tại mặt tiền đường L theo phương án tái định cư tại Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND thành phố P và Quyết định số 7546/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố P, do đất của hộ bị giải tỏa nằm trên đường C.

Thống nhất thu hồi lại kết luận bồi thường cho hộ ông Lê Văn D bằng 03 lô đất tái định cư tại mặt tiền đường L vì chưa đúng với phương án tái định cư tại Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 và Quyết định số 7546 /QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố P, do thực hiện hai chính sách, vừa bồi thường bằng tiền vừa bồi thường bằng đất là không đúng.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P: Thống nhất như nội dung UBND thành phố P trình bày.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh B: Không có.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T4: Không có.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2023/HC-ST ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu:

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phải bồi thường thiệt hại cho ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L số tiền bị giảm doanh thu do không có mặt bằng, nhà kho để xe và kinh doanh. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án hành chính được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 144 của Luật tổ tụng hành chính.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L.

2.1 Tuyên bố: Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố P không ban hành quyết định giao đất tái định cư cho hộ ông Lê Văn D do bị thu hồi 303,6 m² đất ở, là hành vi hành chính trái pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân thành phố P chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi ban hành quyết định giao đất tái định cư đối với 03 lô đất (các lô đất số 01, 02 và 03) mặt tiền đường L cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L theo kết quả bốc thăm ngày 07/12/2018, được Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh thông báo tại Văn bản số 124/PTQĐ-QLQĐ ngày 14/01/2019.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L trong thời gian chờ giao đất tái định cư đến khi giao đất tái định cư xong theo đúng quy định của pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi giao bản chính Quyết định thu hồi đất số 4235/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 và Quyết định số 4829/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Lê Văn C, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và ông Võ Văn P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng T, thống nhất trình bày: vẫn giữ nguyên

yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi ban hành quyết định giao đất tái định cư đối với 03 lô đất (các lô đất số 01, 02 và 03) mặt tiền đường L cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L theo kết quả bốc thăm ngày 07/12/2018, được Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh thông báo tại Văn bản số 124/PTQĐ-QLQĐ ngày 14/01/2019; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L trong thời gian chờ giao đất tái định cư đến khi giao đất tái định cư xong theo đúng quy định của pháp luật, vì: hộ ông Lê Văn D có nhà ở, đất ở hợp pháp và sinh sống tại căn nhà giải tỏa. Lô đất bố trí tái định cư tại mặt tiền đường L theo phương án tái định cư tại Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND thành phố P và Quyết định số 7546/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố P, do đất của hộ bị giải tỏa nằm trên đường C. Tuy nhiên, việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn D vừa bồi thường bằng tiền và bồi thường bằng đất là thực hiện 02 chính sách, là không đúng;

Người khởi kiện ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L, có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thúy H, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2, bà Lê Nguyễn Xuân L2 là bà Lê Nguyễn Vi V thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh B là ông Nguyễn Thiện L1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T4, đại diện của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận là ông Nguyễn Đức T1 thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử phù hợp, có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố P; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh B có văn bản xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa vắng mặt đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

[1.2.1] Ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phải bồi thường thiệt hại cho ông, bà số tiền bị giảm doanh thu do không có mặt bằng, nhà kho để xe và kinh doanh. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện đã rút đối với yêu cầu khởi kiện này nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về bồi thường thiệt hại, là có căn cứ.

[1.2.2] Ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L khởi kiện buộc UBND thành phố P thực hiện hành vi hành chính giao bản chính của Quyết định thu hồi đất số 4235/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 về việc thu hồi 293,4m² đất và Quyết định số 4829/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 về việc điều chỉnh tăng diện tích thu hồi đất của hộ ông Lê Văn D; buộc UBND thành phố P ban hành quyết định giao đất tái định cư đối với 03 lô đất (lô đất số 01, lô số 2, lô S) mặt tiền đường L (theo Văn bản số 124/PTQĐ-QLQĐ ngày 14/01/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh); buộc Ủy ban nhân dân thành phố P hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L trong thời gian chờ giao đất tái định cư đến khi giao đất tái định cư xong theo đúng quy định của pháp luật. Xét các yêu cầu khởi kiện trên là khởi kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai nên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2.3] Trong vụ án này, người khởi kiện ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L không khởi kiện đối với các quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND thành phố P. Tuy nhiên, do ông D, bà L khởi kiện hành vi hành chính có liên quan đến việc tái định cư nên Tòa án xem xét tính hợp pháp của một phần Quyết định số 4240/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 liên quan đến phần tái định cư

đối với ông D, bà L theo quy định tại Điều 6 và Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 08/6/2018, UBND thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất. Sau khi có khiếu nại, ngày 09/11/2018 và ngày 28/11/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất đã phối hợp cùng các cơ quan hiệp thương và đồng ý giao cho hộ ông D 03 lô đất tái định cư. Ngày 14/01/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh ban hành Thông báo số 124 thông báo kết quả quả bốc thăm ngày 07/12/2018 và đề nghị UBND thành phố P ban hành quyết định giao đất tái định cư cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L theo kết quả nêu trên. Tuy nhiên, đến tháng 08/2022, UBND thành phố P vẫn không ban hành quyết định giao đất và không tiến hành giao đất tái định cư cho hộ ông D, bà L. Do đó ông D, bà L khởi kiện hành vi hành chính của UBND thành phố P là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với các phần quyết định của bản án sơ thẩm bác hoặc đình chỉ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nhưng người khởi kiện không có kháng cáo, không bị kháng nghị:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi giao bản chính Quyết định thu hồi đất số 4235/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 và Quyết định số 4829/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố P; Đình chỉ yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phải bồi thường thiệt hại cho ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L số tiền bị giảm doanh thu do không có mặt bằng, nhà kho để xe và kinh doanh.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L không kháng cáo đối với phần quyết định nêu trên của bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại đối với các yêu cầu khởi kiện này.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện về giao 03 lô đất (lô số 01, 02 và 03) tái định cư mặt tiền đường Lê Duẩn cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L.

[2.2.1] Xét quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất của hộ ông Lê Văn D.

Vợ chồng ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L có 03 căn nhà có tổng diện tích là 303,6m², bao gồm nhà số H diện tích 132m², nhà số A diện tích 114,70m² và nhà số A diện tích 52,17m² T, vị trí 2 mặt tiền đường T - C. Tại tầng trệt trung

bày và kinh doanh xe máy của Doanh nghiệp tư nhân T5, tầng trên là nơi sinh sống của gia đình bà L, mẹ bà L và gia đình ông Nguyễn Văn T2 (em bà L). Ngày 16/11/2005, tại Phòng C2 tỉnh Bình Thuận, ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị L đã lập hợp đồng tặng cho Căn nhà số 12 cho con gái là Lê Nguyễn Xuân L2, Căn nhà số A cho em trai là ông Nguyễn Văn T2.

Ngày 01/11/2017, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Thông báo số 8284/TB-UBND về việc thu hồi diện tích 293,4m² đất ở đô thị thuộc thửa đất số 41, 49, 51 (tọa lạc tại căn nhà số H, số A và số A đường T, khu phố A, phường B, thành phố P) của hộ ông Lê Văn D, để xây dựng công trình đường L (đoạn từ đường L đến đường T, phường B, thành phố P).

Ngày 08/6/2018, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4235/QĐ-UBND thu hồi 03 thửa đất số 41, 49, 51 diện tích 293,4m² đất ở đô thị của hộ ông Lê Văn D và Quyết định số 4829/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 về việc điều chỉnh diện tích đất từ 293,4m² lên 303,6m². Vợ chồng ông D thống nhất với mục đích thu hồi và diện tích đất thực tế bị thu hồi.

Ngày 15/6/2018, bà L2 và ông T2, lập văn bản thỏa thuận để cho ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị L đại diện liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền kiến nghị, khiếu nại, nhận tiền bồi thường, nhận đất tái định cư và các quyền lợi liên quan khác đến việc giải tỏa căn nhà số A và căn nhà số A T, phường B, thành phố P.

Ủy ban nhân dân thành phố P đã ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho hộ ông Lê Văn D bao gồm: Quyết định số 4240/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 bồi thường, hỗ trợ 10.034.794.900 đồng (gồm bồi thường về đất 7.086.048.000 đồng, bồi thường tài sản gắn liền với đất 2.905.746.900 đồng và các bồi thường khác), về chính sách tái định cư đủ điều kiện giải quyết 01 lô đất tái định cư; Quyết định phê duyệt bổ sung số 4848/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 số tiền 338.712.000 đồng; Quyết định phê duyệt bổ sung số 7384/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 số tiền 33.339.554 đồng; Quyết định phê duyệt hỗ trợ khác số 3125/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 bổ sung tiền thuê nhà 18.000.000 đồng trong 06 tháng.

Không đồng ý khi bị thu hồi toàn bộ đất ở, nhà ở đối với 03 hộ gia đình và hiện không có nơi ở nào khác nhưng chỉ được bố trí 01 lô đất tái định cư nên ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị L không đồng ý nhận quyết định thu hồi, bồi thường đất của Ủy ban nhân dân thành phố P và yêu cầu được nhận 03 lô đất tái định cư mặt tiền đường L.

Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành vận động, hiệp thương, giải thích cho hộ ông Lê Văn D, với nội dung:

Tổng diện tích đất 03 căn nhà của hộ ông Lê Văn D bị thu hồi là 303,6m², tọa lạc tại vị trí có 02 mặt tiền, đã và đang kinh doanh trong nhiều năm nên sẽ được bồi thường bằng 02 chính sách bồi thường (bồi thường bằng tiền và bố trí 03 lô đất tái định cư tại đường L. Nên hộ ông D đồng ý bàn giao 303,6m² đất bị thu hồi cùng 03 bản chính giấy chứng nhận cho cơ quan có thẩm quyền vào ngày 09/11/2018 và ngày 28/11/2018, mặc dù hộ ông Lê Văn D chưa được nhận bản chính của quyết định thu hồi đất.

Ngày 14/01/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh ban hành Văn bản số 124/PTQĐ-QLQĐ thông báo đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P, với nội dung: Hộ ông Lê Văn D được bồi thường 03 lô đất ở và đã bốc thăm tại biên bản họp ngày 07/12/2018. Theo đó hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L bốc thăm lô đất số 01 diện tích 123,92m² (sau đó điều chỉnh giảm còn diện tích là 111,2m² và hộ ông Lê Văn D cũng đồng ý nhận), lô đất số 02 và số 03 mỗi lô diện tích 100m², đều tại mặt tiền đường L. Giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng 03 lô đất (số A, 02, 03) mà hộ ông Lê Văn D phải nộp theo giá đất tại Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh nhân với hệ số K. Dự án công trình trọng điểm nên Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P sớm trình UBND thành phố P ban hành quyết định giao đất và giao đất tại thực địa cho hộ dân.

Tuy nhiên, từ khi ban hành Thông báo số 124/PTQĐ-QLQĐ ngày 14/01/2019 đến tháng 8/2022, UBND thành phố P vẫn chưa ban hành quyết định giao đất và cũng chưa giao đất tại thực địa cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L với lý do các lô đất tái định cư số 01, 02, 03 đường L bị một số hộ dân tái chiếm.

Đến ngày 30/8/2022, Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P tổ chức họp và có Biên bản số 33 thay đổi kết quả họp theo Biên bản họp số 94 ngày 24/10/2018 và số 01 ngày 04/01/2019 về thẩm định xét tính pháp lý nguồn gốc đất, tài sản trên đất, tái định cư và nhu cầu cần đất ở của hộ ông Lê Văn D với nội dung thu hồi lại kết luận bồi thường cho hộ ông Lê Văn D bằng 03 lô đất tái định cư tại mặt tiền đường L vì chưa đúng với phương án tái định cư; Thống nhất giải quyết cho hộ ông Lê Văn D 01 lô đất tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 31 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh B.

[2.2.2] Xét về chính sách tái định cư khi thu hồi đất đối với hộ ông Lê Văn Dũng

Tái định cư là hình thức hỗ trợ về đời sống của Nhà nước khi thực hiện chính sách thu hồi đất của người dân. Tùy thuộc vào diện tích đất bị thu hồi và

quỹ đất hiện có của địa phương, người dân sẽ được hỗ trợ số lượng suất tái định cư phù hợp. Chính sách về hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở được quy định cụ thể tại Điều 83 Luật đất đai năm 2013 như sau: *“Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc được bồi thường theo quy định của Luật này còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ... Các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm: ... Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở;”*.

Ngoài ra, Điều 86 Luật Đất đai 2013 cũng quy định về trách nhiệm bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở như sau: *“Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ủy ban nhân dân cấp huyện giao trách nhiệm bố trí tái định cư phải thông báo cho người có đất ở thu hồi thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở về dự kiến phương án bố trí tái định cư... Người có đất thu hồi được bố trí tái định cư tại chỗ nếu tại khu vực thu hồi đất có dự án tái định cư hoặc có điều kiện bố trí tái định cư. Ưu tiên vị trí thuận lợi cho người có đất thu hồi sớm bàn giao mặt bằng, người có đất thu hồi là người có công với cách mạng... Giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định”*. Như vậy, việc bố trí tái định cư là chính sách hỗ trợ, không phải là chính sách bồi thường bằng đất ở như quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 2013. Nếu Ủy ban nhân dân thành phố P lựa chọn phương án bồi thường cho người có đất ở bị thu hồi bằng diện tích đất ở tương đương thì không ban hành quyết định bồi thường về đất khi thu hồi. Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân thành phố P đã ban hành Quyết định số 4240/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Văn D số tiền 10.034.794.900 đồng (gồm bồi thường về đất 7.086.048.000 đồng, bồi thường tài sản gắn liền với đất 2.905.746.900 đồng và các bồi thường khác), về chính sách tái định cư đủ điều kiện giải quyết 01 lô đất tái định cư. Do đó, cần xem xét chính sách hỗ trợ tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố P đối với việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn D đã phù hợp với quy định của pháp luật chưa.

Xét thấy, ngày 04/01/2019, Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P tổ chức họp tại Biên bản số 01 thẩm định xét tính pháp lý nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất, tái định cư và nhu cầu cần đất ở của các hộ dân thuộc dự án đường L (đoạn từ đường L đến đường T, phường B, thành phố P), xác định:

+ Ngoài 03 căn nhà ở, đất ở bị Nhà nước thu hồi của hộ ông Lê Văn D, để làm dự án đường L, thì hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L không còn nhà ở,

đất ở nào khác (Biên bản làm việc ngày 03/6/2022 bổ sung: Ngoài nhà ở, đất ở tại số A và 14 T thì bà Lê Nguyễn Xuân L2 và ông Nguyễn Văn T2 không có nhà ở đất ở nào khác).

+ Hộ ông D thỏa mãn các điều kiện được bố trí đất tái định cư tại mặt tiền đường L theo Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 18/01/2018, được UBND tỉnh B chấp thuận (Cụ thể: hộ gia đình, cá nhân sớm bàn giao mặt bằng, người có công với cách mạng “ông D hưởng chính sách như thương binh”; 03 lô đất bị thu hồi đều giáp mặt tiền đường T, trong đó có 01 lô góc giáp hai mặt tiền đường T và đường C).

+ Thực hiện ý kiến của UBND tỉnh B tại Văn bản số 3933 ngày 17/9/2018, Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định thành phố P thống nhất bồi thường bằng 03 lô đất ở mặt tiền đường L. Không chấp nhận việc kiến nghị giải quyết đất hộ ghép cho hộ bà Lê Nguyễn Xuân L2.

Như vậy, căn cứ Biên bản số 01 về thẩm định xét tính pháp lý nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất, tái định cư thì hộ ông Lê Văn D, bà Lê Nguyễn Xuân L2 và ông Nguyễn Văn T2 thỏa mãn các điều kiện để được bố trí 03 suất đất tái định cư tại mặt tiền đường L theo quy định tại Điều 83 Luật đất đai năm 2013, Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ và theo phương án tái định cư tại Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 18/01/2018, Quyết định số 7546/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố P đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B chấp thuận.

Mặc dù tại Quyết định số 4240/QĐ-UBND ngày 08/6/2018, Ủy ban nhân dân thành phố P chỉ xem xét hỗ trợ cho hộ ông D 01 lô đất tái định cư nhưng sau khi xem xét lại, Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P đã chấp thuận cấp thêm cho hộ bà Lê Nguyễn Xuân L2 và ông Nguyễn Văn T2 mỗi người 01 lô đất tái định cư (do ông Lê Văn D đại diện nhận) là phù hợp nên không cần thiết hủy phần hỗ trợ tái định cư trong Quyết định số 4240/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố P nêu trên.

Đồng thời, ngày 14/01/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận đã ban hành Văn bản số 124/PTQĐ-QLQĐ thông báo đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P, với nội dung:

+ Hộ ông Lê Văn D được bồi thường 03 lô đất ở và đã bốc thăm tại biên bản họp ngày 07/12/2018. Theo đó hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L bốc thăm lô đất số 01 diện tích 123,92m² (sau đó điều chỉnh giảm còn diện tích là 111,2m² và hộ ông Lê Văn D cũng đồng ý nhận), lô đất số 02 và số 03 mỗi lô diện tích 100m², đều tại mặt tiền đường L.

+ Giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng 03 lô đất (số A, 02, 03) mà hộ ông Lê Văn D phải nộp theo giá đất tại Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh nhân với hệ số K.

+ Dự án công trình trọng điểm nên Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P sớm trình UBND thành phố P ban hành quyết định giao đất và giao đất tại thực địa cho hộ dân.

Việc UBND thành phố P chậm trễ ban hành quyết định giao đất và giao đất tại thực địa cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L với lý do các lô đất số 01, 02, 03 đường L bị một số hộ dân tái chiếm thì Ủy ban nhân dân thành phố P phải tiếp tục hỗ trợ bổ sung tiền thuê nhà cho hộ ông D, bà L theo quy định của pháp luật.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định giao đất tái định cư đối với 03 lô đất (lô đất số 01, lô số 2, lô S) mặt tiền đường L (theo Văn bản số 124/PTQĐ-QLQĐ ngày 14/01/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận) và buộc Ủy ban nhân dân thành phố P hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L cho đến khi giao đất tái định cư xong là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ công vụ cụ thể, là vượt quá thẩm quyền của Hội đồng xét xử theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện, Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phải bồi thường thiệt hại cho ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L số tiền bị giảm doanh thu do không có mặt bằng, nhà kho để xe và kinh doanh. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án hành chính được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 144 của Luật tổ tụng hành chính.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L.

2.1 Tuyên bố: Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận không ban hành quyết định giao đất tái định cư đối với 03 lô đất (lô đất số 01, lô số 2, lô S) mặt tiền đường L (theo Văn bản số 124/PTQĐ-QLQĐ ngày 14/01/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận) cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L khi thu hồi 303,6m² đất ở tại đô thị, là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật nêu trên và thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc giao đất tái định cư, hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L theo đúng quy định của pháp luật.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi giao bản chính Quyết định thu hồi đất số 4235/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 và Quyết định số 4829/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố P.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện, Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ theo Biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm số 0015284 ngày 23/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Trần Thị Thúy Hồng

Trần Thị Hòa Hiệp